TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST
Ngày 20 - 5 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Ông Nguyễn Văn Tâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 340/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021về việc tranh chấp hợp đồng mua bán T sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hộ kinh doanh T; địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; đại diện Hộ kinh doanh: Anh Lê Xuân H, sinh năm 1990; người đại diện theo ủy quyền: Chị Huỳnh Xuân D, sinh năm 1988; đăng ký hộ khẩu thường trú ấp H, xã P, huyện T, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (Văn bản ủy quyền ngày 25/10/2021).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1964;

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1953;

3. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1976;

Cùng cư trú tại ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà H có mặt; chị D và ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Hữu T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hộ kinh doanh T là chị Huỳnh Xuân D trình bày: Khoảng năm 2019 bà Nguyễn Kim H, ông Lê Văn T và ông Nguyễn Hữu T có mua thức ăn nuôi tôm của Hộ kinh doanh T. Trong quá trình giao dịch các ông bà có thanh toán cho T nhưng không dứt điểm, T đến năm 2021, các ông bà còn nợ T số tiền 218.406.000 đồng. Nay Hộ kinh doanh T yêu cầu bà H, ông T, ông Hữu T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 218.406.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022.

Đối với ý kiến bà Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Hữu T xác định khoảng năm 2019, vợ chồng bà H và ông T mua thức ăn nuôi tôm của Hộ kinh doanh T và còn nợ số tiền 114.000.000 đồng. Đến năm 2021 ông T, bà H và ông Hữu T (em ruột bà H) có nuôi tôm chung và tiếp tục mua thức ăn nuôi tôm của T, T đến ngày 04/12/2021 còn nợ lại T số tiền 104.406.000 đồng, tổng cộng 218.406.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T thì Hộ kinh doanh T không đồng ý, vì bà H, ông T và ông Hữu T ký kết hợp đồng mua thức ăn với T cùng thời điểm và cùng ký vào sổ mua thức ăn, Giấy xác nhận công nợ, nên Hộ kinh doanh T yêu cầu bà H, ông T và ông Hữu T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho T số tiền nợ hợp đồng mua bán như yêu cầu trong đơn khởi kiện, đề ngày 10/12/2021. Hộ kinh doanh T chỉ yêu cầu vợ chồng bà H, ông T và ông Hữu T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn, không yêu cầu vợ ông T cùng trả số tiền nêu trên.

Bị đơn bà Nguyễn Kim H trình bày: Khoảng năm 2019 vợ chồng bà Nguyễn Kim H và ông Lê Văn T có mua thức ăn nuôi tôm của Hộ kinh doanh T. Trong quá trình giao dịch ông bà có thanh toán cho T nhưng không dứt điểm, tính đến năm 2020, ông bà còn nợ T số tiền 114.000.000 đồng. Đến năm 2021 ông bà và ông Hữu T (em ruột bà H) có nuôi tôm chung và tiếp tục mua thức ăn nuôi tôm của T, tính đến ngày 04/12/2021 còn nợ lại T số tiền 104.406.000 đồng, hiện tại các ông bà còn nợ tiền thức ăn nuôi tôm tổng cộng số tiền 218.406.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T. Nay bà thừa nhận còn nợ số tiền 218.406.000 đồng và đồng ý thanh toán cho Hộ kinh doanh T. Tuy nhiên, hiện nay gia đình bà đang gặp khó khăn về kinh tế, do nuôi tôm thua lỗ nên bà yêu cầu được trả dần.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 13 tháng 01 năm 2022: Khoảng tháng 5 năm 2021, ông Hữu T cùng vợ chồng bà H, ông T có nuôi tôm chung và mua thức ăn nuôi tôm với Hộ kinh doanh T, tính đến ngày 04/12/2021 các ông bà còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền khoảng 104.406.000 đồng. Nay Hộ kinh doanh T yêu cầu bà H, ông T, ông Hữu T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 218.406.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022 thì ông Hữu T chỉ đồng ý cùng vợ chồng bà H, ông T trả số tiền 104.406.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Ông Hữu T xác định chữ ký và chữ viết Nguyễn Hữu T trong Hợp đồng mua bán ngày 08/5/2021, Cam kết thanh toán ngày 02/12/2021 và các Bảng đối

chiếu công nợ là do ông Hữu T ký và viết ra. Do ông Hữu T không xem trước nên ký xác nhận công nợ chung số tiền 218.406.000 cùng với bà H, ông T. Trường hợp, Tòa án giải quyết có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T thì ông Hữu T đồng ý cùng bà H, ông T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên cho Hộ kinh doanh T. Đối với các khoản nợ trên lệch giữa ông Hữu T, bà H, ông T thì các ông bà tự thỏa thuận.

Đối với bị đơn ông Lê Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như triệu tập ông T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do, nên không có lời khai của ông Lê Văn T.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Chị D, bà H và ông Hữu T đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; ông T chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Hộ kinh doanh T yêu cầu bà H, ông T và ông Hữu T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho T số tiền 218.406.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022. Bà H, ông T, ông Hữu T có ký tên vào "Bảng đối chiếu công nợ" ngày 04/12/2021 thừa nhận số nợ trên. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T là phù hợp. Đồng thời, bà H, ông T và ông Hữu T phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm bà H, ông T, ông Hữu T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Hộ kinh doanh T yêu cầu bà Nguyễn Kim H, ông Lê Văn T và ông Nguyễn Hữu T trả tiền nợ thức ăn nuôi tôm; các bị đơn cư trú tại huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Huỳnh Xuân D và ông Nguyễn Hữu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 và

khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung: Hộ kinh doanh T yêu cầu bà Nguyễn Kim H, ông Lê Văn T và ông Nguyễn Hữu T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 218.406.000 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022. Hội đồng xét xử xét thấy, bà H, ông T và ông Hữu T có ký tên vào Hợp đồng mua bán ngày 08/5/2021, Cam kết thanh toán ngày 02/12/2021, cũng như các Bảng đối chiếu công nợ và thừa nhận còn nợ số tiền nêu trên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận là sự thật và buộc cầu bà H, ông T, ông Hữu T cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 218.406.000 đồng cho Hộ kinh doanh T.

[4] Đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 và khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

"....Trường hợp các bên chỉ có thỏa thuận về thời hạn giao T sản thì thời hạn thanh toán tiền cũng được xác định tương ứng với thời hạn giao T sản. Nếu các bên không có thỏa thuận về thời hạn giao T sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận T sản.

Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này".

Đối chiếu với quy định trên thấy rằng: Ngày 04/12/2021 bà H, ông T, ông Hữu T có ký xác nhận công nợ thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm của Hộ kinh doanh T số tiền 218.406.000 đồng. Từ khi ký nhận nợ cho đến nay bà H, ông T, ông Hữu T không trả tiền nên Hộ kinh doanh T yêu cầu trả tiền lãi chậm trả là có căn cứ. Mức lãi suất yêu cầu 0.83%/01 tháng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thời gian chậm trả từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022 là 5 tháng số tiền 218.406.000 đồng x 0.83%/01 tháng x 5 tháng = 9.063.500 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà H, ông T và ông Hữu T có nghĩa vụ liên đới trả cho Hộ kinh doanh T là 227.469.500 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 11.373.475 đồng (227.469.500 đồng x 5%), do yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bà H, ông T và ông Hữu T phải có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các vấn đề có liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 430 và 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T đối với bà Nguyễn Kim H, ông Lê Văn T và ông Nguyễn Hữu T.

Buộc bà Nguyễn Kim H, ông Lê Văn T và ông Nguyễn Hữu T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Hộ kinh doanh T số tiền 227.469.500 đồng (hai trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch : Buộc bà Nguyễn Kim H, ông Lê Văn T và ông Nguyễn Hữu T cùng có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 11.373.475 đồng (mười một triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng).

Hộ kinh doanh T không phải chịu án phí. Chị Huỳnh Xuân D đại diện Hộ kinh doanh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.460.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001949 ngày 21/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn trả toàn bộ số tiền trên.

Các đương sự nộp và nhận lại số tiền trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án.

Tăng Giàu